DANH SÁCH THỬA ĐẤT ĐÃ ĐƯỢC CẤP G

(Kèm theo công văn số 134/CNKVXII - CV ngày 06/1

STT	Tên chủ sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích	số tờ	số thửa	ODT
1	Lương Thị Huệ	Thôn Đăk Dung	560	8b	115	100
2	Hoàng Thanh Yên	Thôn Đăk Dung	970	8b	148a	100
3	Nguyễn Văn Sắc	Thôn Đăk Dung	100	7a	158	100
4	Trần Xuân Hồng	Thôn Đăk Dung	48	4	135a	48
5	Phạm Duy Sinh	Thôn Đăk Dung	682	8	42	400
6	A Veo	Thôn Đăk Dung	33241	8;9	;40;27;110;	400
7	Lê Văn Tiến	Thôn Đăk Dung	4086	8;9	19;14	400
8	A Đôn	Thôn Đăk Dung	10724	9	39;105;40	400
9	A Đôn	Thôn Đăk Dung	6076	9	25;56	400
10	A Hảo	Thôn Đăk Dung	2094	9	60;68	400
11	A Ngôn	Thôn Đăk Dung	2625	9	53;74	400
12	Y Nát	Thôn Đăk Dung	10004	9	95;96	400
13	Lê Viết Quang	Thôn Đăk Dung	13148	9	112	400
14	A Bằng	Thôn Đăk Dung	4096	9	2	400
15	A Ỷ	Thôn Đăk Dung	2432	9	104	400
16	Trần Duy Khánh	Thôn Đăk Dung	2649	9	76	400
17	Y Nghen	Thôn Đăk Dung	6999	9	8;72;75;9	400
18	Tràn Thị Ngoãn	Thôn Đăk Dung	1421	9	15	400
19	A Krong	Thôn Đăk Dung	23812	9	100;102;106	400
20	A Gla	Thôn Đăk Dung	3406	9	31	400
21	Hoàng Cộng Sản	Thôn Đăk Dung	6667	7	11	400
22	Hoàng Văn Yên	Thôn Đăk Dung	876	8	27	400
23	Lã Văn Dương	Thôn Đăk Dung	1694	8	26	400
24	A Kểng	Thôn Đăk Dung	3780	8	5	400
25	A Manh	Thôn Đăk Dung	13968	9	0;88;89;98;9	400
26	Y Lung	Thôn Đăk Dung	5728	9	3;78;97;62;2	400
27	Y Vết	Thôn Đăk Dung	3125	8	35	400
28	Nguyễn Văn Mận	Thôn Đăk Dung	1560	8	15	400
29	Nguyễn Thị Nga	Thôn Đăk Dung	1410	8	43	400
30	A Tim	Thôn Đăk Dung	1134	8	18	400
31	A Tâm	Thôn Đăk Dung	8224	8	36	400
32	Lê Văn Hiền	Thôn Đăk Dung	2098	8	12;14;16	400
33	A Ná	Thôn Đăk Dung	3016	8	9	400
34	Y Chả	Thôn Đăk Dung	2601	9	46;47	400
35	K Lâm Mân	Thôn Đăk Dung	15763	9	;17;64;65;6	400
36	A Nót	Thôn Đăk Dung	1824	8	7	400
37	A Qua	Thôn Đăk Dung	17460	9	107	400
38	Y Un	Thôn Đăk Dung	2082	9	108	400
39	A Lê Môm	Thôn Đăk Dung	25570	9	34;42;57;58	400
40	A Dem	Thôn Đăk Dung	13942	9	37;111;5	400
41	A Nhong	Thôn Đăk Dung	1905	9	13	400
42	Phạm Viết Ngoan	Thôn Đăk Dung	18887	8	44;39	400
43	Võ Tiến Hùng	Thôn Đăk Dung	894	8	24	400
44	Hoàng Văn Đển	Thôn Đăk Dung	2092	8	17	400

45	A Ngọc Cuối	Thôn Đăk Dung	6800	8	23;30;41	400
46	Chu Hữu Chính	Thôn Đăk Dung	1842	8	33	400
47	Nguyễn Trọng Tâm	Thôn Đăk Dung	1100	8	32a	400
48	Nguyễn Hữu Cai	Thôn Đăk Dung	2327	8	13	400
49	A Chi	Thôn Đăk Dung	5346	9	48;49;85;87	400
50	Y Mua	Thôn Đăk Dung	5865	9	26;69;109;5	400
51	Hiêng Văn Nối	Thôn Đăk Dung	14672	9	101	400
52	Y Nốp	Thôn Đăk Dung	14563	9	79.113	400
53	A Phải	Thôn Đăk Dung	5592	9	5;86	400
54	Y Nhoong	Thôn Đăk Dung	1237	9	7	400
55	A Nhẳn	Thôn Đăk Dung	6913	9	1;4	400
56	Hoàng Văn Hải	Thôn Đăk Dung	653	8a	148	400
57	Bùi Tiến Thu	Thôn Đăk Dung	1270	8b	147.143	400
58	Nguyễn Văn Mận	Thôn Đăk Dung	83	8b	87a	83
59	Đoàn Xuân Chiến	Thôn Đăk Dung	1677	8a	36a,38	400
60	Đỗ Văn Khoa	Thôn Đăk Dung	1280	8b	111	400
61	Vũ Đình Lãm	Thôn Đăk Dung	1920	8b	110	400
62	Lã Văn Dương	Thôn Đăk Dung	151	8b	147a	151
63	Hán Duy Long	Thôn Đăk Dung	252	8b	147b	252
64	Nguyễn Đình Kỷ	Thôn Đăk Dung	460	8b	139	400
65	Lương Xuân Gụ	Thôn Đăk Dung	496	8b	86a	400
66	Nguyễn Kim Sông	Thôn Đăk Dung	129	8a	16a	129
67	Nguyễn Văn Chiến	Thôn Đăk Dung	525	8b	123b	400
68	Nguyễn Văn Phước	Thôn Đăk Dung	80	8a	14a	80
69	Mai Văn Sinh	Thôn Đăk Dung	180	8b	74	180
70	Đỗ Huy Dũng	Thôn Đăk Dung	400	8b	74a	400
71	A Chí	Thôn Đăk Dung	2785	8b	131.134	400
72	Đặng Công Quảng	Thôn Đăk Dung	77	7a	90	77
73	Bùi Văn Chương	Thôn Đăk Dung	140	7a	175a	140
74	Vũ Đình Phùng	Thôn Đăk Dung	98.4	7a	127	98.4
75	Phan Văn Thọ	Thôn Đăk Dung	140	7b	5b	140
76	Nguyễn Văn Phẩm	Thôn Đăk Dung	392	6	6a	392
77	Nguyễn Hồng Tăng	Thôn Đăk Dung	100	7a	177a	100
78	Đỗ Minh Dũng	Thôn Đăk Dung	180	8b	119b	180
79	Đỗ Duy Tuyền	Thôn Đăk Dung	85	8b	119a	85
80	Hoàng Đình Luyện	Thôn Đăk Dung	858	8b	146a1	400
81	Nguyễn Thị Ngọc	Thôn Đăk Dung	490	6	61a3	400
82	A Công	Thôn Đăk Dung	53.5	8	97c1	53.5
83	Nguyễn Văn Mận	Thôn Đăk Dung	150	8b	94b	150
84	Nguyễn Minh Tiến	Thôn Đăk Dung	120	8b	94a	120
85	Đặng Thị Dung	Thôn Đăk Dung	177	8b	140a	177
86	Trương Thị Máy	Thôn Đăk Dung	142	8b	140b	142
87	Un Ngọc Chúc	Thôn Đăk Dung	336	8b	123c	336
88	Nguyễn Văn Tuấn	Thôn Đăk Dung	2040	8a,8	15	400
89	Trần Thị Thanh	Thôn Đăk Dung	185	8a	148b	185
90	Chu Quang Chinh	Thôn Đăk Dung	162.5	8b	122a	162.5
91	Bùi Thị Thuý	Thôn Đăk Dung	156	8b	87b	156
92	Nguyễn Thị Bai	Thôn Đăk Dung	72	28	59	72
93	Trương Thị Nhàn	Thôn Đăk Dung	72	28	60	72
94	Mai Văn Trí	Thôn Đăk Dung	150	9	53	150

95	Nguyễn Thị Lê	Thôn Đăk Dung	72	35	11	72
96	Tạ Đình Hoà	Thôn Đăk Dung	105	28	49a	105
97	Nguyễn Thị Ngữ	Thôn Đăk Dung	105	28	48	105
98	Bùi Đình Lai	Thôn Đăk Dung	72	28	59a	72
99	Cáp Hồng Nho	Thôn Đăk Dung	100	15	102	100
100	Trần Văn Kế	Thôn Đăk Dung	106	8b	136a	106
101	Phùng Văn Tuân	Thôn Đăk Dung	77.5	8b	136c	77.5
102	Nguyễn Thị Lê	Thôn Đăk Dung	124	35	11	124
103	Phạm Đức Thành	Thôn Đăk Dung	150	35	15	150
104	Mai Văn Sử	Thôn Đăk Dung	104	35	16	104
105	A Lê Anh	Thôn Đăk Dung	172.5	14	37	172.5
106	Bùi Thị Muôn	Thôn Đăk Dung	87	35	28	87
107	Lê Thị Hồng	Thôn Đăk Dung	76	35	11a	76
108	Nguyễn Văn Chính	Thôn Đăk Dung	336	6	9a	336
109	Nguyễn Đình Trọng	Thôn Đăk Dung	125	15	84	125
110	Nguyễn Thị Phương	Thôn Đăk Dung	210	8b	141a	210
111	Đoàn Xuân Lợi	Thôn Đăk Dung	861	8a	37	400
112	Lê Thị Ánh Nguyệt	Thôn Đăk Dung	1280	8b	111	400
113	Hoàng Đình Luyện	Thôn Đăk Dung	344.8	6	59b	344.8
114	Nguyễn Trọng Hoán	Thôn Đăk Dung	1350	45	11	400
115	Nguyễn Thị Bé	Thôn Đăk Dung	150	45	19a	150
116	A Lê Môm	Thôn Đăk Dung	2845.5	10	2	400
117	Y Nghen	Thôn Đăk Dung	3263.7	34	12	400
118	Nguyễn Thị Thuận	Thôn Đăk Dung	100	8b	151	100
119	Trần Văn Vũ	Thôn Đăk Dung	376	6	13a	200
120	Nguyễn Thị Hường	Thôn Đăk Dung	105	8b	123c1	105
121	Phạm Thị Sáng	Thôn Đăk Dung	180	45	11b	180
122	A Giang	Thôn Đăk Dung	100	15	103	100
123	A Kron	Thôn Đăk Dung	3337	34	8	400
124	A Nhoang	Thôn Đăk Dung	1785.5	34	6	250
125	A Đôn	Thôn Đăk Dung	1264	34	4	400
126	Y Chả	Thôn Đăk Dung	534	34	28	400
127	Nguyễn Văn Mận	Thôn Đăk Dung	100	15	95	100
128	Bùi Văn Dương	Thôn Đăk Dung	100	15	97	100
129	Y Tang	Thôn Đăk Dung	2760	8b	112	400
130	Trần Văn Khánh	Thôn Đăk Dung	286	34	8a	150
131	Y Vít	Thôn Đăk Dung	3024	34	3	100
132	Y Nhoang	Thôn Đăk Dung	3800	34	9	100
133	Vũ Đình Phùng	Thôn Đăk Dung	627	8b	112a	150
134	A Hảo	Thôn Đăk Dung	784	34	13	250
135	Ô Lý Uấn	Thôn Đăk Dung	2760	34	1	100
136	A Thịnh	Thôn Đăk Dung	732	34	18	100
137	Y Vêng	Thôn Đăk Dung	693	34	23	100
138	Y Nách	Thôn Đăk Dung	1009	34	16	100
139	Hoàng Văn Đạt	Thôn Đăk Dung	82.5	14	20	82.5
140	Võ Tiến Hùng	Thôn Đăk Dung	2383	28	5	100
141	Nguyễn Minh Tiến	Thôn Đăk Dung	150	8b	90a	150
142	Nguyễn Thị Lý	Thôn Đăk Dung	1071	8b	135	100
143	Ô Lý Kim Dung	Thôn Đăk Dung	160	27	23	160
144	Y Lê	Thôn Đăk Dung	250	27	21	250

145	Lương Văn Tác	Thôn Đăk Dung	106	8b	136a	106
146	Nguyễn Trọng Hiệp	Thôn Đăk Dung	558	8b	114	558
147	Phạm Đức Thành	Thôn Đăk Dung	86	8b	87c	86
148	Võ Duy Hoan	Thôn Đăk Dung	305	8b	141c	305
149	Phan Thị Thuỷ	Thôn Đăk Dung	110	8b	102a	110
150	Lê Hải Hưng	Thôn Đăk Dung	60	14	20e	60
151	Nguyễn Ngọc Thuần	Thôn Đăk Dung	291.5	8b	139a	231.5
152	Lê Hải Hưng	Thôn Đăk Dung	50	14	1	50
153	Thái Thị Đào	Thôn Đăk Dung	90	14	78	90
154	Trần Văn Kế	Thôn Đăk Dung	700	12	24a	90
155	Nguyễn Văn Hiến	Thôn Đăk Dung	132	8b	91b	132
156	Nguyễn Văn Dương	Thôn Đăk Dung	155	8b	94c	155
157	Nguyễn Hữu Giao	Thôn Đăk Dung	90	14	18b	90
158	Nguyễn Xuân Du	Thôn Đăk Dung	125	15	105	125
159	A Bôn	Thôn Đăk Dung	100	8	38	100
160	Nguyễn Văn Ba	Thôn Đăk Dung	125	14	78	125
161	A Hoà	Thôn Đăk Dung	503	8a	16	503
162	Nguyễn Kim Sông	Thôn Đăk Dung	177	8a	16a	48
163	Đoàn Tuấn Anh	Thôn Đăk Dung	797.5	44	14c	200
164	Lê Thị Liễu	Thôn Đăk Dung	380	8	14	380
165	Hoàng Duy Hùng	Thôn Đăk Dung	60.8	14	34	60.8
166	Nguyễn Văn Hải	Thôn Đăk Dung	125	15	92	125
167	Huỳnh Tấn Phát	Thôn Đăk Dung	132	8b	91b	132
168	Lê Văn Thế	Thôn Đăk Dung	1068	8b	90	1068
169	Nguyễn Minh Tiến	Thôn Đăk Dung	150	8b	90a	150
170	Hoàng Minh Sáng	Thôn Đăk Dung	585	8b	109a	200
171	Hiêng Thị Hoa	Thôn Đăk Dung	103.9	28	51	103.9
172	Y Lệ Thu	Thôn Đăk Dung	180	34	8b	100
173	Y Nhiệp	Thôn Đăk Dung	240	34	8a	100
174	Trịnh Anh Dũng	Thôn Đăk Dung	408	6	32c	100
175	Y Nheo	Thôn Đăk Dung	542	34	17	250
176	Nguyễn Trung Kiên	Thôn Đăk Dung	380.5	8b	117b1	380.5
177	Hoàng Minh Sáng	Thôn Đăk Dung	503	8a	16	503
178	Hoàng Văn Hào	Thôn Đăk Dung	338	6	11a	200
179	Y Meng	Thôn Đăk Dung	1919	8a	10	1919
180	Lê Trần Long	Thôn Đăk Dung	212.6	8b	121b	212.6
181	Nguyễn Tấn Châu	Thôn Đăk Dung	1170	45	11	1170
182	Nguyễn Thị Châu	Thôn Đăk Dung	311	8b	114b	311
183	Đoàn Xuân Chiến	Thôn Đăk Dung	64.7	27	17	64.7
184	Vũ Đình Hiếu	Thôn Đăk Dung	180			100
185	Trần Xuân Xiêm	Thôn Đăk Dung	480	8b	149	480
186	Trương Văn Hoà	Thôn Đăk Dung	178.2			138.2
187	Blong Nhâm	Thôn Đăk Dung	136.6	28	49b	59.1
188	Trần Vũ Tiến	Thôn Đăk Dung	132.3	29	49a	62.3
189	Lê Ngọc Hùng	Thôn Đăk Dung	200	6	26c	200
190	Trần Văn Bách	Thôn Đăk Dung	105	28	49a	105
191	Đàm Quang Ngọc	Thôn Đăk Dung	77	7a	90	77
192	Nguyễn Tấn Thương	Thôn Đăk Dung	3340.1	21	48a;48b;49	120
193	Trần Vũ Anh Tuấn	Thôn Đăk Dung	93	11	6b	93
194	Lê Khắc Phong	Thôn Đăk Dung	78.6	12	89c	78.6

195	Thái Kim Nhật	Thôn Đăk Dung	243	6	47a	243
196	Nguyễn Văn Lộc	Thôn Đăk Dung	123	12	96a	100
197	Nguyễn Duy Cường	Thôn Đăk Dung	155	8b	94c	155
198	Nguyễn Vỹ Ly	Thôn Đăk Dung	132	8b	91b	132
199	Lê Bá Sỹ	Thôn Đăk Dung	336	6	9a	100
200	Y Nhoang	Thôn Đăk Dung	3813.6	34	9	250
201	Ngô Trường Sơn	Thôn Đăk Dung	443	6	51b	250
202	Ô Lý Sơn	Thôn Đăk Dung	3813.6	34	9	250
203	Lại Đức Hào	Thôn Đăk Dung	170	34	9b	62.5
204	Mai Thị Thanh Nga	Thôn Đăk Dung	226.7	8b	69c	100
205	Hà Duy Bình	Thôn Đăk Dung	170	34	9a	62.5
206	Nguyễn Trung Kiên	Thôn Đăk Dung	115	6	6i	115
207	Nguyễn Thị Thúy Nga	Thôn Đăk Dung	251	8b	92	251
208	Y Giấy	Thôn Đăk Dung	143.8	8b	97a	101.2
209	Trịnh Anh Dũng	Thôn Đăk Dung	109	18	16b	50
210	Lê Đức Biên	Thôn Đăk Dung	110	8	11	110
211	Nguyễn Viết Thái	Thôn Đăk Dung	250	6	15A	200
212	Lã Thị Xuân	Thôn Đăk Dung	151	8B	147A	151
213	Trần Văn Tám	Thôn Đăk Dung	100	15	101	100
214	Nguyễn Văn Thông	Thôn Đăk Dung	86.8	8B	92A	86.8
215	Hồ Thị Kim Hồng	Thôn Đăk Dung	150	8B	90B	150
216	Vũ Đình Uy	Thôn Đăk Dung	140	8b	112a1	140
217	Ngô Trường Sơn	Thôn Đăk Dung	305	6	49a	180
218	A Chảy	Thôn Đăk Dung	1820	8b	123	1820
219	Hiêng Thị Huệ	Thôn Đăk Dung	1422.8	8b	109	100
220	A Thăm	Thôn Đăk Dung	382.5	40	86	77
221	Lê Kông Khanh	Thôn Đăk Dung	85	28	58	85
222	Phạm Tiến Bộ	Thôn Đăk Dung	140.2	35	10	115.2
223	Đoàn Thanh Chung	Thôn Đăk Dung	460.7	5	17	287
224	Nguyễn Xuân Khoát	Thôn Đăk Dung	258	35	28	90
225	Hoàng Thanh Yên	Thôn Đăk Dung	298.5	20	5	144
226	Nguyễn Văn Nhật	Thôn Đăk Dung	205	10	47	205
227	Nguyễn Thanh Nam	Thôn Đăk Dung	124.3	16	36	100
228	A Thanh	Thôn Đăk Dung	119.6	28	55	119.6
229	A Thống	Thôn Đăk Dung	287	28	57	287
230	A Thiêng	Thôn Đăk Dung	208	28	56	208
Tổng số						

Người lập

Y Lãnh

1853
1854
1855
1856
1857
1858
1859
1860
1861
1862
1863
1864
1865
1866
1867
1868
1869
1870
1871
1872
1873
1874
1875
1876
1877
1878
1879
1880
1881
1882
1883
1884
1885
1886
1887
1888
1889
1890
1891
1892
1893
1894
1895
1896
1897
1898
1899
1900
1901
1902

1903
1904
1905
1906
1907
1908
1909
1910
1911
1912
1913
1914
1915
1916
1917
1918
1919
1920
1921
1922
1923
1924
1925
1926
1927
1928
1929
1930
1931
1932
1933
1934
1935
1936
1937
1938
1939
1940
1941
1942
1943
1944
1945
1946
1947
1948
1949
1950
1951
1952

1953
1954
1955
1956
1957
1958
1959
1960
1961
1962
1963
1964
1965
1966
1967
1968
1969
1970
1971
1972
1973
1974
1975
1976
1977
1978
1979
1980
1981
1982
1983
1984
1985
1986
1987
1988
1989
1990
1991
1992
1993
1994
1995
1996
1997
1998
1999
2000
2001
2002

2003
2004
2005
2006
2007
2008
2009
2010
2011
2012
2013
2014
2015
2016
2017
2018
2019
2020
2021
2022
2023
2024
2025
2026
2027
2028
2029
2030
2031
2032
2033
2034
2035
2036
2037
2038
2039
2040
2041
2042
2043
2044
2045
2046
2047
2048
2049
2050
2051
2052

IẤY CHỨNG NHẬN ĐẤT Ở TẠI THÔN ĐĂK DUNG

0/2025 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai khu vực XII)

Loại đất					Số vào sổ	Số phát hành	ngày ký
HNK	CLN	LUC	NTS	MDS			
460					00607	G 170915	22/01/1998
870					00608	G 170914	25/02/1998
0					00609	G 170913	26/03/1998
0					00610	G 170911	04/03/1998
282					00221		
32841					00222		
3686					00223		
10324					00224		
5676					00225		
1694					00226		
2225					00227		
9604					00228		
12748					00229		
3696					00230		
2032					00231		
2249					00232		
6599					00233		
1021					00234		
23412					00235		
3006					00236		
6267					00237		
476					00238		
1294					00239		
3380					00240		
13568					00241		
5328					00242		
2725					00243		
1160					00244		
1010					00245		
734					00246		
7824					00247		
1698					00248		
2616					00249		
2201					00250		
15363					00251		
1424					00252		
17060					00253		
1682					00254		
25170					00255		
13542					00256		
1505					00257		
18487					00258		
494					00259		
1692					00260		

6400					00261		
1442					00262		
700					00263		
1927					00264		
4946					00265		
5465					00266		
14272					00267		
14163					00268		
5192					00269		
837					00270		
6513					00271		
253					196		
870					198		
0					218		15/11/2000
1277					223		28/11/2000
880					228		25/12/2000
1520					229		26/12/2000
0					238		20/02/2001
0					241		13/03/2001
60					242		26/03/2001
96					243		26/03/2001
0					255		17/05/2001
125					259		15/06/2001
0					260		29/06/2001
0					264		07/04/2001
0					265		
2385					279		01/11/2002
0					284		06/03/2002
0					293		19/08/2002
0					294		09/09/2002
0					302		20/11/2002
0					303		12/05/2002
0					307		29/12/2002
0					312		13/02/2003
0					313		13/02/2003
458					345		14/07/2003
90					346		22/07/2003
0					359		26/12/2003
0					371		02/11/2004
0					381		04/09/2004
0					382		04/09/2004
0					383		04/09/2004
0					398		06/04/2004
1640					408		07/01/2004
0					411		07/01/2004
0					421		19/10/2004
0					422		19/10/2004
0					445		31/12/2004
0					446		31/12/2004
0					453		25/04/2005

0					470		26/05/2005
0					502		22/06/2005
0					509		28/06/2005
0					511		26/7/2005
0					513		26/7/2005
0					516		15/8/2005
0					517		15/8/2005
0					566		17/4/2006
0					568		21/3/2006
0					570		21/03/2006
0					575		27/04/2006
0					576		27/4/2006
0					577		27/4/2006
0					581		28/4/2006
0					593		15/06/2006
0					594		15/6/2006
461					597		07/10/2006
880					598		07/10/2006
0					600		10/02/2006
950					603		19/10/2006
0					620		16/1/2007
2445.5					624		16/4/2007
2863.7					641		08/07/2007
0					642		08/07/2007
176					644		16/8/2007
0					645		20/8/2007
0					652		30/10/2007
0					665		25/12/2007
2937					685		05/05/2008
1535.5					689		30/05/2008
864					690		30/05/2008
134					691		30/05/2008
0					694		06/06/2008
0					699		18/7/2008
2360					715		25/8/2008
136					716		09/12/2008
2924					722		31/10/2008
3700					723		31/10/2008
477					733		15/12/2008
534					741		14/4/2009
2660					744		05/12/2009
632					745		05/12/2009
593					746		05/12/2009
909					756		15/6/2009
0					773		16/9/2009
2283					774		16/9/2009
0					782		11/09/2009
971					788		12/09/2009
0					791		15/12/2009
0					792		15/12/2009

0					793		22/12/2009
0					803		29/12/2009
0					804		29/12/2009
0					808		25/1/2010
0					820		15/4/2010
0					821		15/4/2010
60					854		20/9/2010
0					856		20/9/2010
0					857		20/09/2010
610					860		10/08/2010
0					861		14/10/2010
0					863		14/10/2010
0					864		21/10/2010
0					871		21/12/2010
0					872		21/12/2010
0					873		01/04/2011
0					882		16/2/2011
129					883		16/2/2011
597.5					885		18/2/2011
0					886		22/2/2011
0					887		22/2/2011
0					895		19/4/2011
0					897		24/5/2011
0					901		25/5/2011
0					906		14/6/2011
385					948		19/1/2012
0					990		14/6/2012
80					996		07/06/2012
140					997		07/06/2012
308					1007		23/08/2012
292					1011		09/12/2012
0					1087		22/7/2013
413					1092		08/05/2013
138					1101		29/8/2013
0					1111		24/10/2013
0					1120		19/12/2013
0					1121		19/12/2013
0					1144		18/03/2014
0					1157		19/5/2014
80					H01172	BG 738432	25/7/2014
0					H01188	BG 738545	28/10/2014
40					H1208	BX 370887	02/10/2015
77.5					H1223	BX 370989	04/10/2015
70					H1224	BX 370990	04/10/2015
0					H1225	BX 370986	04/04/2015
0					H01240	BX 809619	16/7/2015
0					H01242	BX 809634	20/07/2015
3220.1					H01255	BX 809698	28/8/2015
0					H01256	BX 809901	29/8/2015
0					H01266	BX 809912	21/9/2015

0					H01267	BX 809913	21/9/2015
23					H01268	BX 809914	21/09/2015
0					H01314	BX 809938	11/05/2015
0					H01319	BX 809941	11/05/2015
236					H01320	BX 809949	13/11/2015
3563.6					H01321	BX 809950	30/11/2015
193					H01326	BX 809957	12/11/2015
3563.6					H01334	BX 809975	20/1/2016
107.5					H01344	BX 809987	24/2/2015
126.7					H01350	CC 179101	22/03/2016
107.5					H01351	CC 179097	22/03/2016
0					H01352	CC 179098	19/03/2016
0					H01392	CC 179177	
42.6					H01393	CC 179156	
59					H01396	CC 179185	09/01/2016
0					H01398	CC 179191	
50					H01400	CC 179981	
0					H01401	CC 179302	
0					H01405	CC 179308	14/10/2016
0					H01406	CC 179312	20/10/2016
0					H01408	CC 179315	24/10/2016
0					H01428	CC 179361	01/06/2017
125					H01431	CC 179365	01/10/2017
0					H01434	CC 179371	25/12/2016
1322.8					H01438	CC 179377	20/1/2017
305.5					CS01447	CH 272528	04/02/2017
0					CS01454	CH 272582	19/4/2017
25					CS01468	CH 272879	23/5/2017
173.7					CS01470	CH 272881	23/5/2017
168					CS01485	CH 272981	07/04/2017
154.5					CS01502	CK 483968	14/8/2017
0					CS01506	CK 483971	19/8/2017
24.3					CS01511	CK 459953	09/07/2017
0					CS01517	CK 459961	09/07/2017
0					CS01518	CK 459960	09/07/2017
0					CS01519	CK 459959	09/07/2017

230 giấy

Ghi chú
NCN
NCN